

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 01/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10/12/2025;

Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 01/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 4122/TTr-SGDĐT ngày 02/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 01/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở, ngành: Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Nội vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Bí thư Thành đoàn Hải Phòng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Y tế;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các trường ĐH, CĐ trên địa bàn TP;
- Công TTĐT thành phố;
- CPVP UBND thành phố;
- Phòng NV&KTGS;
- Lưu: VT, Đ.H.Hung.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Tiến Phụng

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 01/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn thành phố Hải Phòng
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 01/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035 (sau đây gọi là Quyết định số 973/QĐ-TTg);

Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 973/QĐ-TTg trên địa bàn thành phố Hải Phòng với các nội dung cụ thể sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Quyết định số 973/QĐ-TTg; nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc và quản lý sức khỏe trẻ em, học sinh, học viên, sinh viên trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố.

- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; bảo đảm các điều kiện chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần cho trẻ em, học sinh; góp phần nâng cao tầm vóc, thể lực, chất lượng nguồn nhân lực thành phố.

- Tăng cường phối hợp giữa ngành Giáo dục và Đào tạo, ngành Y tế, các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, nhà trường, gia đình và cộng đồng trong quản lý, theo dõi, chăm sóc sức khỏe người học.

- Từng bước ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, khai thác dữ liệu sức khỏe học đường phục vụ quản lý, cảnh báo sớm các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe học sinh; kết nối dữ liệu giữa ngành Giáo dục và ngành Y tế.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của UBND thành phố; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện.

- Các nhiệm vụ được triển khai đồng bộ, thường xuyên, phù hợp với điều kiện thực tiễn của thành phố Hải Phòng.

- Gắn việc thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường với các chương trình, đề án về giáo dục, y tế, dinh dưỡng học đường, phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam và chuyển đổi số quốc gia.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế, gia đình và cộng đồng; huy động hợp lý các nguồn lực xã hội, không làm phát sinh các khoản thu trái quy định, không gây áp lực cho học sinh, cha mẹ học sinh và cơ sở giáo dục.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi

Kế hoạch được triển khai tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và các cơ sở giáo dục khác (gọi tắt là cơ sở giáo dục) trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý hiện hành.

2. Đối tượng

- Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên, sinh viên đang học tập tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế trường học, nhân viên tư vấn học đường, nhân viên phụ trách công tác xã hội trường học, nhân viên nuôi dưỡng, người trực tiếp tham gia công tác chăm sóc, giáo dục, quản lý sức khỏe người học tại các cơ sở giáo dục.

- Cha mẹ học sinh và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Thời gian thực hiện:

- Giai đoạn 1: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

- Giai đoạn 2: Từ năm 2031 đến hết năm 2035.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và quản lý sức khỏe trẻ em, học sinh, học viên, sinh viên; bảo đảm sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần; xây dựng môi trường học tập an toàn, lành mạnh; từng bước hiện đại hóa công tác y tế trường học và quản lý sức khỏe học đường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Duy trì số lượng các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đã có nhân viên y tế trường học chuyên trách bảo đảm trình độ chuyên môn y tế (được tuyển dụng/ký hợp đồng) theo đúng quy định; đồng thời phấn đấu nâng tỷ lệ toàn thành phố đạt mục tiêu theo Quyết định 973/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- 100% cơ sở giáo dục có phòng y tế riêng biệt, có đủ thuốc, thiết bị y tế thiết yếu theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục (có tổ chức bữa ăn, cung cấp dịch vụ ăn uống khác) bảo đảm các điều kiện về vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định.

- 100% trẻ em, học sinh được theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng, kiểm tra, khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc bệnh tật tối thiểu 01 lần/năm học và được cập nhật, quản lý thông tin về sức khỏe vào Sổ sức khỏe điện tử kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư.

- 100% cơ sở giáo dục có đủ nước uống, nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng, khu vệ sinh đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục về bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng học đường, sức khỏe tâm thần.

- 100% cơ sở giáo dục cập nhật hồ sơ sức khỏe điện tử cho người học.

- Trên 98% trẻ em, học sinh, sinh viên tham gia bảo hiểm y tế.

3. Mục tiêu đến năm 2035

- Duy trì và nâng cao chất lượng các chỉ tiêu đã đạt được.

- 100% dữ liệu sức khỏe học sinh được quản lý trên môi trường số và kết nối liên thông theo quy định.

- Giảm tỷ lệ thừa cân, béo phì, suy dinh dưỡng, cận thị học đường, cong vẹo cột sống và các bệnh học đường phổ biến.

- 100% cơ sở giáo dục xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện, hỗ trợ sức khỏe thể chất và tinh thần cho người học.

- 100% các trường có phòng chức năng (sân chơi, bãi tập bảo đảm), nhà đa năng (khu thể thao) riêng biệt, đáp ứng công tác phát triển thể chất cho học sinh và giáo dục vận động cho trẻ.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

Để hoàn thành các mục tiêu đề ra, các Sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tập trung phối hợp thực hiện tốt 08 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau đây:

1. Hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn và cơ chế phối hợp liên ngành

- Tổ chức rà soát hệ thống văn bản, quy định, hướng dẫn hiện hành về công tác y tế trường học, chăm sóc sức khỏe học sinh, khám sức khỏe định kỳ, dinh dưỡng học đường, an toàn thực phẩm, nước sạch, vệ sinh trường học, sức khỏe tâm thần, sức khỏe sinh sản, giới tính, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích và chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe học đường.

- Đưa các chỉ tiêu sức khỏe học đường vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương.

- Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu các cơ sở giáo dục.

2. Bố trí, sắp xếp nhân lực chuyên trách và bồi dưỡng nâng cao năng lực y tế trường học

- Rà soát, đánh giá thực trạng việc bố trí nhân lực thực hiện công tác y tế trường học tại các cơ sở giáo dục; căn cứ quy mô trường học, điều kiện thực tế của địa phương và quy định hiện hành để bố trí nhân lực thực hiện công tác y tế trường học phù hợp. Tiếp tục phát huy mô hình phối hợp giữa cơ sở giáo dục với Trạm Y tế cấp xã trong thực hiện công tác y tế trường học đối với các địa bàn đang triển khai hiệu quả. Ưu tiên bố trí nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ chuyên môn y tế đạt chuẩn theo quy định tại các cơ sở giáo dục có tổ chức ăn bán trú, cơ sở giáo dục chuyên biệt và các cơ sở giáo dục có quy mô lớn.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn và phát triển đội ngũ nhân viên y tế trường học; từng bước bảo đảm các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố có nhân viên y tế trường học chuyên trách, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn theo quy định.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế trường học và đội ngũ thực hiện công tác tư vấn tâm lý học đường, đáp ứng yêu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe trẻ em, học sinh, sinh viên.

- Tăng cường sự hỗ trợ chuyên môn của các cơ sở y tế đối với nhà trường. Đối với các cơ sở giáo dục chưa bố trí được nhân viên y tế trường học chuyên trách, tiếp tục thực hiện cơ chế phối hợp với Trạm Y tế địa phương để bảo đảm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh theo quy định.

- Tổ chức tập huấn thường xuyên cho giáo viên về sơ cấp cứu, chăm sóc sức khỏe ban đầu, phát hiện sớm các vấn đề tâm lý - phát triển ở trẻ.

3. Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và điều kiện vệ sinh học đường

- Rà soát, sắp xếp, nâng cấp phòng y tế, khu vực y tế, trang thiết bị, thuốc thiết yếu, hồ sơ sức khỏe, tủ thuốc, phương tiện sơ cấp cứu, phương án cấp cứu ban đầu tại các cơ sở giáo dục.

- Ưu tiên dành nguồn lực ngân sách địa phương lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia để cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất học đường; bảo đảm phòng y tế riêng biệt tại mỗi trường học có đủ thuốc, trang thiết bị y tế thiết yếu; nâng cấp hệ thống nước uống và nước sinh hoạt đạt chất lượng; cải tạo nhà vệ sinh học sinh đạt tiêu chuẩn và thân thiện với người khuyết tật.

- Hoàn thiện hệ thống bếp ăn bán trú bảo đảm tuyệt đối vệ sinh an toàn thực phẩm. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho việc tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm chất lượng và các quy định về an toàn thực phẩm; sân chơi, bãi tập để phục vụ các hoạt động giáo dục thể chất và thể thao trường học.

4. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh và quản lý sức khỏe người học

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc tối thiểu 01 lần/năm học cho trẻ em, học sinh, học viên, sinh viên theo quy định; thực hiện phân loại, theo dõi, tư vấn, thông báo kết quả phù hợp đến cha mẹ học sinh, người giám hộ và phối hợp với cơ sở y tế để can thiệp khi cần thiết.

- Tăng cường phòng chống dịch bệnh trong trường học; chủ động giám sát, phát hiện sớm, xử lý kịp thời các ổ dịch, ca bệnh truyền nhiễm, bệnh học đường, bệnh không lây nhiễm, bệnh liên quan đến dinh dưỡng, sức khỏe tâm thần, rối loạn phát triển, tai nạn thương tích và các nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe học sinh.

- Triển khai theo dõi tình trạng dinh dưỡng, thể lực, tầm vóc học sinh; hướng dẫn chế độ ăn, vận động, nghỉ ngơi hợp lý; phòng chống thừa cân, béo phì, suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng, cong vẹo cột sống, cận thị học đường và các vấn đề sức khỏe phổ biến trong lứa tuổi học sinh.

- Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần, tư vấn tâm lý, công tác xã hội trường học; phát hiện sớm học sinh có biểu hiện căng thẳng, lo âu, trầm cảm, bạo lực học đường, xâm hại, nghiện trò chơi điện tử, sử dụng thuốc lá điện tử, chất gây nghiện hoặc các hành vi nguy cơ khác để phối hợp hỗ trợ, can thiệp phù hợp. Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nhận diện sớm các dấu hiệu bất thường về tâm lý, sức khỏe tinh thần cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên trường học.

5. Bảo đảm dinh dưỡng học đường, an toàn thực phẩm và bữa ăn học đường

- Tăng cường quản lý bữa ăn học đường theo hướng bảo đảm an toàn thực phẩm, cân đối dinh dưỡng, phù hợp lứa tuổi, điều kiện sức khỏe, văn hóa ăn uống và điều kiện thực tế của từng cơ sở giáo dục.

- Thực hiện nghiêm quy trình lựa chọn, ký kết, giám sát đơn vị cung cấp thực phẩm, suất ăn, nguyên liệu, nước uống; bảo đảm truy xuất nguồn gốc, kiểm thực ba bước, lưu mẫu thức ăn, vệ sinh khu vực chế biến, nhà ăn, kho bảo quản, phương tiện vận chuyển và người trực tiếp tham gia chế biến, phục vụ bữa ăn.

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục ứng dụng phần mềm phân tích khẩu phần, xây dựng thực đơn, theo dõi năng lượng, chất dinh dưỡng, cảnh báo nguy cơ mất cân đối dinh dưỡng; từng bước kết nối dữ liệu dinh dưỡng học đường với hồ sơ sức khỏe học sinh theo quy định.

- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh, cơ sở y tế và đơn vị cung cấp dịch vụ trong giám sát bữa ăn học đường; thực hiện công khai, minh bạch thực đơn, nguồn gốc thực phẩm, định lượng suất ăn, giá dịch vụ và kết quả kiểm tra, giám sát theo quy định.

6. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe và nhân rộng mô hình nâng cao sức khỏe học đường

- Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe, đa dạng hóa các hình thức truyền thông về vệ sinh, dinh dưỡng hợp lý, hoạt động thể chất phù hợp, phòng chống dịch bệnh, bệnh tật học đường (tật khúc xạ, cận thị, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng) và chăm sóc sức khỏe tâm thần học đường. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn

tâm lý học đường, tư vấn sức khỏe sinh sản, phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu bia, chất kích thích; nâng cao kỹ năng ứng phó với bạo lực học đường, xâm hại tình dục và bắt nạt trên môi trường mạng.

- Tăng cường các hoạt động tư vấn tâm lý học đường, giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng ứng phó với bạo lực, bắt nạt học đường và trên môi trường mạng.

- Tăng cường phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình, cơ sở y tế để theo dõi, đánh giá, phát hiện sớm, xử lý các yếu tố nguy cơ gây rối loạn tâm thần đối với người học và hỗ trợ chuyển tuyến điều trị khi cần thiết.

- Tổ chức rà soát, phát triển Chương trình giáo dục phổ thông, trong đó tăng cường các nội dung giáo dục về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, vận động thể lực, sức khỏe tâm thần, phòng, chống dịch bệnh, tật học đường, kỹ năng sơ cứu ban đầu trong các môn học, hoạt động giáo dục liên quan.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các mô hình trường học an toàn, trường học nâng cao sức khỏe, y tế trường học thân thiện phù hợp với các cấp học, trình độ đào tạo.

- Nhân rộng mô hình bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý kết hợp với hoạt động vận động thể lực, trong đó xây dựng thực đơn đáp ứng đủ các nội dung theo Chương trình giáo dục mầm non và hướng dẫn của Bộ Y tế về dinh dưỡng đối với bữa ăn học đường; thực hiện hiệu quả việc đánh giá tình trạng dinh dưỡng và phối hợp với gia đình trong việc bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông.

7. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe người học

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, thực hiện kiểm tra sức khỏe đầu năm học, khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí một số bệnh, tật thường gặp cho học sinh, sinh viên ít nhất mỗi năm một lần theo quy định, cập nhật đầy đủ thông tin sức khỏe của học sinh, sinh viên vào sổ sức khỏe điện tử liên thông với hệ thống dữ liệu Quốc gia về dân cư.

- Triển khai ứng dụng các phần mềm, công cụ số trong việc đánh giá tình trạng dinh dưỡng, tính toán khẩu phần ăn, xây dựng thực đơn bữa ăn bán trú cân đối dinh dưỡng khi tổ chức bữa ăn học đường và quản lý, theo dõi, thống kê, đánh giá về sức khỏe người học.

- Số hóa các sản phẩm truyền thông, giáo dục sức khỏe người học; hoàn thiện cơ sở dữ liệu về cơ sở vật chất, sân chơi, bãi tập, công trình nước sạch, nhà vệ sinh, trang thiết bị y tế trường học thống nhất toàn thành phố.

8. Tăng cường phối hợp, kiểm tra liên ngành và huy động các nguồn lực xã hội hóa

- Xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế phối hợp giữa ngành giáo dục và ngành y tế địa phương, cơ sở quân y, quân dân y trên địa bàn (đối với các đặc khu)

trong triển khai công tác y tế trường học; tổ chức rà soát tiền sử tiêm chủng và tổ chức tiêm bù liều cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học.

- Thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành từ thành phố đến xã, phường, đặc khu để thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất tại các bếp ăn bán trú, căng tin trường học, chất lượng nước sạch và điều kiện vệ sinh học đường. Thực hiện thường xuyên việc kiểm tra, giám sát nội bộ; phát huy vai trò tham gia của Ban đại diện cha mẹ học sinh, Đoàn thanh niên nhà trường trong việc giám sát công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm và chất lượng bữa ăn học đường để phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm trong các cơ sở giáo dục.

- Thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình với các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả.

- Tích cực huy động các nguồn lực tài trợ, đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước để nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị chăm sóc sức khỏe học đường.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước (chỉ thường xuyên và chi đầu tư phát triển) theo phân cấp ngân sách hiện hành; lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án, dự án liên quan đã được phê duyệt.

2. Huy động tài trợ, đóng góp, ủng hộ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật tài chính hiện hành, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích và tiến độ đề ra.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu UBND thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch này; phối hợp với Sở Y tế, các sở, ngành liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu tổ chức thực hiện Kế hoạch trên địa bàn thành phố.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý xây dựng kế hoạch và triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học đường.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế triển khai các chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe, tập huấn bồi dưỡng dinh dưỡng học đường, hoạt động thể chất và xây dựng mô hình trường học an toàn, nâng cao sức khỏe.

- Chủ trì lồng ghép tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn.

- Tham mưu xây dựng phần mềm và ứng dụng công nghệ thông tin quản lý dinh dưỡng bán trú, theo dõi sức khỏe học sinh.

- Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện báo cáo UBND thành phố và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

2. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, đánh giá thực trạng, đề xuất mô hình tổ chức thực hiện công tác y tế trường học và hướng dẫn chuyên môn thống nhất trên địa bàn thành phố; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định phương án triển khai phù hợp.

- Chủ trì chỉ đạo các cơ sở y tế phối hợp với các cơ sở giáo dục thực hiện khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc bệnh tật cho học sinh, sinh viên và cập nhật, quản lý thông tin sức khỏe vào Sổ sức khỏe điện tử kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư.

- Chủ trì công tác tập huấn chuyên môn khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu và phòng bệnh học đường cho đội ngũ nhân viên y tế trường học.

- Tăng cường công tác kiểm tra liên ngành về y tế trường học, vệ sinh môi trường học tập; kiểm soát chặt chẽ công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại các bếp ăn bán trú, bếp ăn tập thể và căng tin trường học.

3. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế hướng dẫn các địa phương rà soát, xác định nhu cầu nhân lực thực hiện công tác y tế trường học theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

- Tham mưu việc bố trí, sắp xếp nhân lực thực hiện công tác y tế trường học theo phân cấp quản lý và trong tổng số biên chế, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao.

4. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành liên quan và các địa phương, chủ trì tham mưu bố trí nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách thành phố.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí thành phố, hệ thống thông tin cơ sở tích cực tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và các hoạt động của Chương trình Sức khỏe học đường; số hóa và đăng tải các sản phẩm truyền thông giáo dục sức khỏe trên các nền tảng số của thành phố.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao trường học; phát triển phong trào rèn luyện thân thể, nâng cao thể lực, tầm vóc học sinh; phòng chống đuối nước, tai nạn thương tích trong hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí.

- Phối hợp xây dựng, nhân rộng các mô hình hoạt động thể lực phù hợp theo lứa tuổi, cấp học, điều kiện cơ sở vật chất và đặc điểm sức khỏe của học sinh thành phố.

6. Công an thành phố

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế và các cơ quan liên quan triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn trường học; tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật, phòng chống tội phạm, bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, ma túy, thuốc lá điện tử và các tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên; phối hợp bảo đảm an toàn dữ liệu, an ninh mạng đối với hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử và cơ sở dữ liệu sức khỏe học đường; tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình Sức khỏe học đường trên địa bàn thành phố.

7. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc bảo đảm chất lượng môi trường học đường, cấp nước sạch nông thôn, vệ sinh môi trường trong các cơ sở giáo dục; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo lồng ghép tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn; phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong trường học theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

8. Thành đoàn Hải Phòng

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho đoàn viên, thanh thiếu nhi về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe; tổ chức các hoạt động rèn luyện thể chất, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ, phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước, bạo lực học đường, xâm hại trẻ em và chăm sóc sức khỏe tinh thần; phát huy vai trò của tổ chức Đoàn, Hội, Đội trong xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ của Chương trình Sức khỏe học đường trên địa bàn thành phố.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035 tại địa phương; đưa các chỉ tiêu sức khỏe học đường vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã, phường, đặc khu.

- Bố trí ngân sách địa phương và lồng ghép các nguồn lực để cải tạo, sửa chữa phòng y tế, công trình vệ sinh, nước sạch và bếp ăn bán trú của các trường học thuộc thẩm quyền quản lý.

- Chỉ đạo rà soát, bố trí nhân lực thực hiện công tác y tế trường học phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; tăng cường phối hợp giữa cơ sở giáo dục và Trạm Y tế cấp xã trong công tác chăm sóc sức khỏe học sinh.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm, nước sạch, môi trường trường học trên địa bàn; báo cáo định kỳ kết quả thực hiện gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp.

10. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường hằng năm và theo giai đoạn; phân công rõ trách nhiệm của người đứng đầu, nhân viên y tế trường học, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên giáo dục thể chất, nhân viên nuôi dưỡng và các bộ phận liên quan.

- Thực hiện nghiêm quy định về chăm sóc sức khỏe học sinh, khám sức khỏe định kỳ, quản lý hồ sơ sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm, dinh dưỡng học đường, nước sạch, vệ sinh trường học, hoạt động thể lực, chăm sóc sức khỏe tâm thần, phòng chống tai nạn thương tích.

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh, trạm y tế phường, xã, cơ sở y tế và các đơn vị liên quan trong theo dõi, tư vấn, chăm sóc sức khỏe học sinh; kịp thời thông tin, hỗ trợ, can thiệp đối với học sinh có vấn đề sức khỏe, tâm lý, dinh dưỡng, thể lực hoặc nguy cơ mất an toàn.

- Thực hiện công khai, minh bạch các nội dung liên quan đến bữa ăn học đường, chăm sóc sức khỏe học sinh, hoạt động y tế trường học, sử dụng nguồn lực xã hội hóa và các khoản thu theo quy định.

- Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp (đối với cấp học mầm non, tiểu học, THCS báo cáo Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu).

VII. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Các sở, ban, ngành thành phố và UBND các xã, phường, đặc khu căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng Kế hoạch triển khai chi tiết trước ngày 15 tháng 8 năm 2026. Định kỳ hàng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 20 tháng 11 để tổng hợp, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND thành phố theo quy định./.

Phục lục I
NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHOẺ HỌC ĐƯỜNG
GIAI ĐOẠN 2026-2035
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

Stt	Nhiệm vụ cụ thể triển khai tại thành phố	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả đầu ra dự kiến
I	HOÀN THIỆN CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH VÀ CHỈ ĐẠO				
1	Rà soát, đề xuất sửa đổi và cụ thể hóa các văn bản chuyên môn y tế trường học, danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu phù hợp thực tế thành phố.	Sở Y tế	Sở GDĐT, Sở Tài chính, UBND xã, phường, đặc khu	2026-2027	Văn bản hướng dẫn liên ngành phát hành
2	Hướng dẫn các địa phương rà soát, xây dựng vị trí việc làm và bố trí nhân lực thực hiện công tác y tế trường học theo phân cấp quản lý và phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.	Sở Nội vụ	Sở GDĐT, Sở Y tế, UBND xã, phường, đặc khu	2026-2030	Tờ trình, Quyết định phê duyệt vị trí việc làm
3	Ban hành hướng dẫn về dinh dưỡng học đường và kiểm soát an toàn thực phẩm, bữa ăn bán trú trong trường học trên địa bàn thành phố.	Sở Y tế	Sở GDĐT, UBND xã, phường, đặc khu	2026-2030	Văn bản hướng dẫn triển khai
4	Tham mưu bố trí ngân sách thường xuyên cho công tác y tế trường học và sửa đổi cơ chế chi trả theo quy định tài chính mới.	Sở Tài chính	Sở GDĐT, Sở Y tế, UBND xã, phường, đặc khu	Hàng năm	Quyết định phân bổ ngân sách, Hướng dẫn chi
II	BỐ TRÍ NHÂN LỰC CHUYÊN TRÁCH VÀ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG				
5	Rà soát, bố trí nhân lực thực hiện công tác y tế trường học theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; ưu tiên các trường bán trú, trường chuyên biệt, trường có quy mô lớn	UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Nội vụ, Sở GDĐT, Sở Y tế	Thường xuyên	Cơ bản các trường bán trú có y tế chuyên trách
6	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn y tế trường học cho đội ngũ nhân viên y tế hiện có; cấp chứng chỉ chuyên môn khám chữa bệnh cơ bản	Sở Y tế	Sở GDĐT, các trường Y Dược trên địa bàn	Thường xuyên	Lớp tập huấn được tổ chức; 100% nhân viên được bồi dưỡng
7	Tập huấn kiến thức y tế trường học, dinh dưỡng, tư vấn tâm lý học đường cho giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên trường học	Sở GDĐT	Sở Y tế, UBND xã, phường, đặc khu	Thường xuyên	Các chương trình tập huấn hàng năm

III ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ ĐIỀU KIỆN VỆ SINH HỌC ĐƯỜNG					
8	Rà soát, cải tạo, xây dựng mới các công trình nước sạch, nhà vệ sinh đạt chuẩn, bảo đảm ánh sáng học đường; bổ sung trang thiết bị y tế thiết yếu và phòng y tế học đường	UBND các xã, phường, đặc khu	Sở GDĐT, Sở Tài chính	Thường xuyên	Cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn vệ sinh
9	Nâng cấp cơ sở vật chất nhà bếp, dụng cụ phục vụ bữa ăn học đường bán trú bảo đảm ATTP và dinh dưỡng	UBND các xã, phường, đặc khu	Sở GDĐT, Sở Y tế	Thường xuyên	Các bếp ăn bán trú đạt tiêu chuẩn vệ sinh ATTP
IV TRUYỀN THÔNG, GIÁO DỤC SỨC KHỎE VÀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC AN TOÀN					
10	Tổ chức các hoạt động truyền thông về phòng chống bệnh tật học đường, dinh dưỡng hợp lý, sức khỏe tâm thần và phòng chống tệ nạn xã hội phù hợp với học sinh thành phố	Sở Y tế	Sở GDĐT, Sở VHTTDL, Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng	Thường xuyên	Tài liệu truyền thông, chuyên mục tuyên truyền
11	Tăng cường hoạt động tư vấn tâm lý học đường, tư vấn sức khỏe tâm thần, giáo dục kỹ năng phòng chống bạo lực học đường, xâm hại và bạo lực mạng	Sở GDĐT	Sở Y tế, Sở VHTTDL, Công an thành phố, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Thường xuyên	100% các trường có bộ phận tư vấn tâm lý học đường hoạt động hiệu quả
V ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ					
12	Tổ chức khám sức khỏe đầu năm và định kỳ cho học sinh, nhập dữ liệu vào Sổ sức khỏe điện tử liên thông CSDL Quốc gia về dân cư thông qua ứng dụng VNeID	Sở Y tế	Sở GDĐT, Công an thành phố, UBND xã, phường, đặc khu	Thường xuyên	100% dữ liệu sức khỏe học sinh được số hóa liên thông
13	Ứng dụng phần mềm quản lý, đánh giá dinh dưỡng, tính toán khẩu phần ăn bán trú và thống kê sức khỏe người học thống nhất toàn thành phố	Sở GDĐT	UBND xã, phường, đặc khu	Thường xuyên	Các phần mềm được đưa vào ứng dụng thực tế
VI PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH VÀ THANH TRA, KIỂM TRA					
14	Xây dựng cơ chế phối hợp giữa ngành giáo dục và ngành y tế địa phương; cơ sở quân y, dân y trên địa bàn (đối với các đặc khu) để hỗ trợ chăm sóc sức khỏe học sinh.	Sở Y tế	Sở GDĐT, Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Ban Chỉ huy BDBP thành phố, UBND đặc khu Cát Hải, Bạch Long Vĩ	2027	Cơ chế phối hợp liên ngành được ký kết

15	Tổ chức kiểm tra, giám sát liên ngành định kỳ và đột xuất về công tác y tế trường học trong đó chú trọng nội dung vệ sinh trường học, an toàn thực phẩm, nước sạch tại bếp ăn tập thể, căng tin cơ sở giáo dục.	Sở Y tế	Sở GDĐT, UBND các xã, phường, đặc khu	Thường xuyên	Biên bản kiểm tra, báo cáo kết quả và xử lý vi phạm (nếu có)
----	---	---------	---------------------------------------	--------------	--

Phụ lục II
CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE HỌC ĐƯỜNG
GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

Stt	Chỉ tiêu chủ yếu	Giai đoạn 2026-2030				
		2026	2027	2028	2029	2030
1	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập có nhân viên y tế trường học chuyên trách, bảo đảm trình độ chuyên môn y tế (được tuyển dụng/ký hợp đồng) theo quy định.	30%	35%	40%	45%	50%
2	Tỷ lệ trường phổ thông nội trú, bán trú, trường học dành cho người khuyết tật có nhân viên y tế trường học chuyên trách, bảo đảm trình độ chuyên môn y tế theo quy định	80%	85%	90%	95%	100%
3	Tỷ lệ cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn có nhân viên y tế trường học chuyên trách, bảo đảm trình độ chuyên môn y tế theo quy định	75%	85%	90%	95%	100%
4	Tỷ lệ cơ sở giáo dục có phòng y tế riêng biệt và có đủ thuốc, thiết bị y tế thiết yếu theo quy định	80%	85%	90%	95%	100%
5	a) Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông có đủ nước uống và nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng theo quy định	90%	95%	100%	100%	100%
	b) Tỷ lệ cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp có đủ nước uống và nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng theo quy định	90%	95%	100%	100%	100%
6	Tỷ lệ cơ sở giáo dục (có tổ chức bữa ăn, cung cấp dịch vụ ăn, uống khác) bảo đảm các điều kiện về vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định	95%	97%	98%	100%	100%
7	a) Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non tổ chức theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em theo quy định	100%	100%	100%	100%	100%
	b) Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của học sinh theo quy định	60%	70%	80%	90%	95%
8	a) Tỷ lệ cơ sở giáo dục có khu vệ sinh cho người học đạt tiêu chuẩn theo quy định	75%	85%	90%	100%	100%
	b) Tỷ lệ cơ sở giáo dục có khu vệ sinh đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật	20%	50%	70%	90%	100%

9	Tỷ lệ cơ sở giáo dục tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục về bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng học đường, sức khỏe tâm thần	70%	80%	90%	100%	100%
10	a) Tỷ lệ người học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông được kiểm tra sức khỏe đầu năm học hoặc khám sàng lọc định kỳ và được cập nhật thông tin sức khỏe vào Sổ sức khỏe điện tử liên thông với cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư	90%	95%	100%	100%	100%
	b) Tỷ lệ người học trong các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp được khám sức khỏe định kỳ và được cập nhật, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh, sinh viên	55%	60%	70%	90%	100%